

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST

Ngày: 11-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhận dân:

1. Ông Phạm Quốc Toàn

2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Phan Văn T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2024.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Ông T, bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị C là

ông Phan Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà C cho bà H vay nhiều lần tiền. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 28/9/2022, bà H vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 28/02/2023.

Lần 2: Ngày 15/12/2022, bà H vay số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 15/3/2023.

Lần 3: Ngày 19/12/2022, bà H vay số tiền 39.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 19/02/2023.

Lần 4: Ngày 14/02/2023, bà H vay số tiền 68.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 14/3/2023.

Tổng cộng là 129.000.000 đồng.

Việc cho vay không có thỏa thuận lãi suất, mục đích bà H vay tiền để làm ăn và điều trị bệnh cho chồng. Các lần vay tiền đều có viết giấy “Biên nhận mượn tiền”, nội dung các giấy vay tiền do bà Nguyễn Thị T viết và bà H ký tên, ghi rõ họ tên người vay tiền. Riêng giấy vay tiền ngày 15/12/2022, ký ghi họ tên là Nguyễn Thị B là do bà H tên thường gọi là Nguyễn Thị B. Đến hạn trả tiền, bà C đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H hứa hẹn mà không trả nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ vay gốc tổng cộng là 129.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất số tiền nêu trên từ ngày 14/3/2023 đến ngày 14/6/2024 theo quy định của pháp luật với số tiền là 129.000.000 đồng $\times 0,83\%/tháng \times 15 tháng = 16.060.500$ đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà C xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H trả số tiền nợ 7.000.000 đồng theo giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/12/2022.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà không đồng ý với đơn yêu cầu khởi kiện của bà C. Bà có vay tiền của bà C các lần tiền như sau:

Lần 1: Tháng 4/2019 (không nhớ ngày), bà vay số tiền 15.000.000 đồng.

Lần 2: Tháng 7/2019 (không nhớ ngày), bà vay số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 3: Năm 2019 (không nhớ ngày tháng), bà vay số tiền 15.000.000 đồng.

Lần 4: Tháng 12/2019 (không nhớ ngày), bà vay số tiền 18.000.000 đồng.

Tổng cộng là 58.000.000 đồng.

Các lần vay tiền không có thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng, mục đích vay để làm ăn. Khi vay tiền có viết giấy mượn tiền do bà

Nguyễn Thị T viết 01 giấy 15.000.000 đồng vào tháng 4/2019, 03 giấy còn lại ai viết thì bà không biết. Bà có ký tên và ghi họ tên người mượn tiền là Nguyễn Thị Ngọc H. Giấy mượn tiền do bà C giữ, bà không có giữ. Các khoản vay nêu trên bà có đóng tiền lãi đầy đủ cho bà C đến tháng 05 – 06/2022 thì ngừng không đóng nữa. Sau đó bà có nói với bà C xin ngưng đóng tiền lãi nhưng bà C không đồng ý. Bà có trả cho bà C được số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng. Bà đóng lãi, trả tiền nợ gốc cho bà C không có lập văn bản giao nhận. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đối với 04 giấy vay tiền do bà C cung cấp bà xác định không có vay tiền theo các giấy này.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị C số tiền nợ vay gốc là 122.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 14/3/2023 đến ngày 14/6/2024.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H trả số tiền nợ 7.000.000 đồng theo giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/12/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và Đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đoàn Thị C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H, cư trú tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Đoàn Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 122.000.000 đồng. Theo bà C trình bày, do có mối quan hệ quen biết nên bà cho bà H vay nhiều lần tiền. Cụ thể: Lần 01: Ngày 28/9/2022, vay số

tiền 15.000.000 đồng; Lần 02: Ngày 19/12/2022, vay số tiền 39.000.000 đồng; Lần 03: Ngày 14/02/2023, vay số tiền 68.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều có viết giấy tay và bà H có ký, ghi họ tên người vay tiền. Khi đến hạn trả nợ, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Còn bà H cho rằng, bà có vay tiền của bà C 04 lần vào năm 2019 với số tiền tổng cộng là 58.000.000 đồng nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

[2.2] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các giấy “Biên nhận mượn tiền” ngày 28/9/2022, thể hiện nội dung bà H có vay của bà C số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 28/02/2023; Ngày 19/12/2022, bà H có vay của bà C số tiền 39.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 19/02/2023; Ngày 14/02/2023, bà H có vay của bà C số tiền 68.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 14/3/2023. Tổng cộng là 122.000.000 đồng. Thấy rằng, bà H trình bày chỉ vay của bà C số tiền 58.000.000 đồng vào năm 2019, đã trả được cho bà C số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và bà C không thừa nhận có cho bà H vay số tiền 58.000.000 đồng, đã trả được 15.000.000 đồng nên không có cơ sở xem xét. Tại phiên tòa bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong các giấy biên nhận mượn tiền ngày ngày 28/9/2022, ngày 19/12/2022 và ngày 14/02/2023 là của bà H. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bà H có giao kết hợp đồng vay tiền với bà C. Đến hạn trả nợ bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà C là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà C nên bà C khởi kiện yêu cầu bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ là 122.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi suất, bà C cho rằng bà cho bà H vay tiền không có tính lãi suất. Tại các giấy “Biên nhận mượn tiền”, đều không thể hiện có thỏa thuận lãi suất cho vay. Bà H cho rằng bà C cho vay với lãi suất là 10%/tháng, bà đã đóng lãi cho bà C đầy đủ nhưng bà C không thừa nhận và bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 14/3/2023 đến ngày 14/6/2024 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà H trả cho bà C số tiền lãi là $122.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 15.189.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H trả số tiền nợ 7.000.000 đồng theo giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/12/2022. Đây là sự tự nguyện của bà C phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ được chấp nhận. Buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà C số tiền nợ gốc là 122.000.000

đồng và tiền lãi là 15.189.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu bà H trả số tiền nợ 7.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định là $137.189.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.859.450 \text{ đồng}$ (làm tròn 6.859.000 đồng).

Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà C.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 217, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị C số tiền nợ tổng cộng là 137.189.000đ (Một trăm ba mươi bảy triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 122.000.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu đồng) và tiền lãi là 15.189.000đ (Mười lăm triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả số tiền nợ 7.000.000 đồng theo giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/12/2022.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu số tiền 6.859.000đ (Sáu triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.680.000đ (Ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004370 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang